

**Phụ lục 2:**  
**Hướng dẫn đánh giá nguy cơ lây nhiễm dịch Covid-19**  
**tại cơ sở sản xuất, kinh doanh**

*(Kèm theo Văn bản số: 1282 /SYT-NVYD ngày /5/2021)*

**I. MỤC ĐÍCH**

Đánh giá nguy cơ lây nhiễm dịch COVID-19 thông qua bộ chỉ số nhằm xác định các mức độ nguy cơ lây nhiễm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh để có các biện pháp khắc phục, phòng, chống lây nhiễm, đảm bảo an toàn trong sản xuất, kinh doanh.

**II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên phạm vi toàn tỉnh, không bao gồm quy mô sản xuất, kinh doanh hộ gia đình.

**III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ**

**1. Số lượng người lao động làm việc tập trung của cơ sở sản xuất, kinh doanh (10 điểm)**

- Dưới 50 người 01 điểm
- Từ 50 – 199 người 02 điểm
- Từ 200 - 499 người 04 điểm.
- Từ 500 - 999 người 06 điểm.
- Từ 1000 - 4999 người 08 điểm.
- Từ 5000 người trở lên 10 điểm.

**2. Mật độ người lao động ở các phân xưởng tính bằng số diện tích làm việc cho 01 người lao động (10 điểm)**

- 01 người lao động/lớn hơn hoặc bằng 01 m<sup>2</sup> 0 điểm.
- 01 người lao động/dưới 01 m<sup>2</sup> 10 điểm.

**3. Nguy cơ lây nhiễm COVID-19 từ người lao động (30 điểm)**

*(Chỉ tính điểm đối với người có nguy cơ cao nhất)*

- Không có 0 điểm.
- Người tiếp xúc vòng 2  
(người tiếp xúc với người tiếp xúc gần với ca bệnh) 05 điểm.
- Người tiếp xúc vòng 1 (người tiếp xúc gần với ca bệnh) 10 điểm.
- Có ca bệnh 20 điểm.
- Có ca bệnh và lây nhiễm cho người khác 30 điểm.

**4. Thông khí nhà xưởng (10 điểm)**

- Thông khí tự nhiên (bằng hệ thống cửa mở/quạt hút gió) 0 điểm.
- Thông khí hỗn hợp 05 điểm
- Sử dụng điều hòa 10 điểm.

**5. Tổ chức thời gian làm việc (05 điểm)**

- Nhỏ hơn hoặc bằng 8 giờ/ngày 0 điểm.
- Trên 8 giờ 05 điểm.

**6. Tỷ lệ người lao động được quan sát thấy có kiểm tra thân nhiệt trước khi vào phân xưởng (10 điểm)**

- 100% 0 điểm.
- 80% đến dưới 100% 07 điểm.
- 60% đến dưới 80% 09 điểm.
- Dưới 60% 10 điểm.

### **7. Điều kiện vệ sinh cá nhân cho người lao động (20 điểm)**

*7.1. Bố trí khu vực rửa tay với nước sạch và xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay có tối thiểu 60% nồng độ còn trước khi vào và ra khỏi phân xưởng.*

- Tất cả các bộ phận đều có 0 điểm.
- Tỷ lệ các bộ phận không có giảm từ 90% xuống 10% 01-09 điểm.
- Tất cả các bộ phận đều không có 10 điểm

*7.2. Tỷ lệ người lao động thực hiện rửa tay với nước sạch và xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay có tối thiểu 60% nồng độ còn trước khi vào và ra khỏi phân xưởng; trước và sau khi ăn.*

- 100% người lao động quan sát được thực hiện 0 điểm.
- Tỷ lệ thay đổi giảm từ 90% xuống 10% 01-09 điểm.
- Dưới 10% người lao động quan sát thấy thực hiện 10 điểm.

### **8. Sử dụng khẩu trang tại nơi làm việc (30 điểm)**

*8.1. Cung cấp khẩu trang cho người lao động mỗi ngày hoặc khẩu trang giặt được.*

- 100% người lao động 0 điểm.
- Tỷ lệ người lao động được cấp giảm từ 90% xuống 10% 02-09 điểm.
- Dưới 10% người lao động 10 điểm.

*8.2. Tỷ lệ người lao động đeo khẩu trang trong lúc làm việc.*

- 100% người lao động 0 điểm.
- Tỷ lệ thay đổi giảm từ 90% xuống 10% 02-18 điểm.
- Dưới 10% người lao động 20 điểm.

**9. Hoạt động của các khu dịch vụ không thiết yếu tại cơ sở sản xuất, kinh doanh (quán cà phê, thư viện, phòng tập thể thao, ...) (5 điểm)**

- Không có 0 điểm
- Đảm bảo các quy định phòng, chống dịch 01 điểm.
- Không đảm bảo các quy định phòng, chống dịch 05 điểm.

**10. Bố trí dung dịch sát khuẩn tay có chứa ít nhất 60% cồn tại các vị trí có tiếp xúc chung như: cây ATM, bình nước uống công cộng, máy bán hàng tự động, thang máy,... (10 điểm)**

- Không có các vị trí tiếp xúc chung 0 điểm
- Có đầy đủ dung dịch sát khuẩn tất cả các vị trí 01 điểm.
- Có dung dịch sát khuẩn nhưng không đầy đủ 05 điểm.
- Không có dung dịch sát khuẩn 10 điểm.

### **11. Tổ chức bữa ăn ca cho người lao động (45 điểm)**

*11.1. Hình thức tổ chức ăn ca.*

- Tổ chức tại cơ sở sản xuất, kinh doanh 0 điểm.
- Không tổ chức ăn ca 45 điểm.

*(Nếu không tổ chức ăn ca thì không đánh giá các chỉ số từ 11.2 đến 11.8).*

11.2. *Giám sát sức khỏe hằng ngày của đơn vị cung cấp bữa ăn ca.*

- Có khai báo y tế, đo nhiệt độ, đeo khẩu trang, găng tay 0 điểm.
- Có nhưng không đầy đủ 03 điểm.
- Không 05 điểm.

11.3. *Số người ăn cùng một lúc ở nhà ăn, căng tin.*

- Dưới 50 người 01 điểm.
- Từ 50 đến dưới 100 người 02 điểm.
- Từ 100 đến 500 người 03 điểm.
- Từ 500 đến 1.000 người 04 điểm.
- Trên 1.000 người 05 điểm.

11.4. *Bố trí vách ngăn giữa các vị trí ngồi ăn hoặc bố trí so le.*

- Có bố trí đầy đủ 0 điểm
- Có bố trí nhưng không đầy đủ 03 điểm.
- Không bố trí 05 điểm.

11.5. *Điều kiện vệ sinh, khử khuẩn các bề mặt tiếp xúc tại khu ăn, uống.*

- Có thực hiện ngay sau mỗi lượt ăn, uống 0 điểm
- Thực hiện nhưng không đầy đủ 05 điểm.
- Không thực hiện 10 điểm.

11.6. *Bố trí khu vực và người lao động thực hiện rửa tay trước và sau khi ăn.*

- Có bố trí và thực hiện 0 điểm.
- Có 50% người lao động thực hiện rửa tay 05 điểm.
- Không bố trí hoặc không rửa tay 10 điểm.

11.7. *Hình thức cung cấp suất ăn.*

- Cung cấp suất ăn cá nhân 0 điểm.
- Cung cấp suất ăn theo nhóm 05 điểm.

11.8. *Hình thức trả tiền bữa ăn ca.*

- Không phải sử dụng tiền mặt 0 điểm.
- Sử dụng phiếu ăn 03 điểm.
- Phải sử dụng tiền mặt hoặc phiếu ăn 05 điểm.

## **12. Tổ chức đưa đón người lao động (20 điểm)**

12.1. *Phương tiện di chuyển đến nơi làm việc của người lao động (20 điểm)*

- Có tổ chức đưa đón 0 điểm.

*(Nếu có, tiếp tục đánh giá các chỉ số từ 12.2 đến 13.5)*

- Không tổ chức đưa đón 100% 20 điểm.

*(Nếu không, không đánh giá chỉ số từ 12.2 đến 13.5)*

12.2. *Số người lao động đi làm bằng xe đưa đón.*

- Dưới 50 người 01 điểm.
- Từ 50 – 99 người 02 điểm.
- Từ 100 – 199 người 03 điểm.
- Từ 200 – 499 người 04 điểm.
- Từ 500 – 999 người 05 điểm.
- Từ 1000 – 5000 người 07 điểm.

- Trên 5000 người. 10 điểm.

*12.3. Mật độ người trên xe.*

- Sử dụng dưới 50% số ghế ngồi của xe 0 điểm.

- Sử dụng 50% đến dưới 70% số ghế ngồi của xe 05 điểm.

- Sử dụng trên 70% số ghế ngồi của xe 10 điểm.

**13. Các trang thiết bị hỗ trợ phòng, chống dịch trên phương tiện đưa đón người lao động (15 điểm)**

*13.1. Thông gió trên phương tiện.*

- Thông gió tự nhiên (mở cửa) 0 điểm.

- Sử dụng điều hòa 03 điểm.

*13.2. Có sẵn dung dịch sát khuẩn tay chứa trên 60% nồng độ cồn.*

- Có 0 điểm.

- Không 03 điểm.

*13.3. Thực hiện đo nhiệt độ cho người lao động trước khi lên xe.*

- Có 0 điểm.

- Không 03 điểm.

*13.4. Lập danh sách hoặc theo dõi người đi xe bằng thẻ.*

- Có 0 điểm.

- Không 03 điểm.

*13.5. Thực hiện vệ sinh, khử khuẩn xe trước/sau mỗi lần đưa đón.*

- Có 0 điểm.

- Không 03 điểm.

**14. Phương án ứng phó phòng, chống dịch (50 điểm)**

*14.1. Kế hoạch ứng phó.*

- Có kế hoạch 0 điểm.

- Không có kế hoạch 10 điểm.

*14.2. Cán bộ đầu mối thông tin về phòng, chống dịch.*

- Có 0 điểm.

- Không 05 điểm.

*14.3. Bố trí khu vực/phòng cách ly tạm thời.*

- Có 0 điểm.

- Có nhưng không đúng quy định 03 điểm.

- Không có 05 điểm.

*14.4. Có trạm y tế/người làm công tác y tế hoặc hợp đồng với cơ sở khám bệnh chữa bệnh theo quy định.*

- Có 0 điểm

- Không 05 điểm

*14.5. Tỷ lệ người lao động được phổ biến, hướng dẫn các thông tin về phòng, chống dịch tại nơi làm việc/ ký túc xá/ nơi lưu trú của người lao động.*

- 100% người lao động 0 điểm.

- Tỷ lệ không được phổ biến, hướng dẫn giảm từ 90% xuống 10% 01-09 điểm.

- Dưới 10% người lao động: 10 điểm.

14.6. Hướng dẫn/tuyên truyền tại các vị trí cần thiết (nơi làm việc, căng tin, khu vệ sinh, ký túc xá cho người lao động, cây ATM cây nước uống công cộng, máy bàn hàng tự động, trên phương tiện vận chuyển, ...).

- Có đầy đủ 0 điểm.
- Có nhưng không đầy đủ 03 điểm.
- Không có 05 điểm.

14.7. Phân công người giám sát thực hiện ở từng khâu.

- Có đầy đủ 0 điểm.
- Có nhưng không đầy đủ 03 điểm.
- Không có 05 điểm.

14.8. Thành lập đoàn tự kiểm tra và đi kiểm tra hằng ngày.

- Có đầy đủ 0 điểm.
- Có nhưng không đầy đủ 03 điểm.
- Không có 05 điểm.

## **15. Vệ sinh, khử khuẩn môi trường tại nơi làm việc/ ký túc xá (30 điểm)**

15.1. Thực hiện vệ sinh, khử khuẩn.

- Có đầy đủ 0 điểm.
- Có nhưng không đầy đủ 05 điểm.
- Không có 10 điểm.

15.2. Sử dụng dung dịch khử khuẩn.

- Đúng quy định 0 điểm.
- Không đúng quy định 05 điểm.

15.3. Thực hiện làm sạch bề mặt trước khi khử khuẩn hằng ngày.

- Có đầy đủ theo quy định 0 điểm
- Có nhưng không đầy đủ 03 điểm
- Không có 05 điểm

15.4. Phương pháp khử khuẩn.

- Đúng quy định 0 điểm
- Không đúng quy định 05 điểm

15.5. Bố trí thùng rác có nắp đậy tại các vị trí thuận tiện.

- Có đầy đủ 0 điểm
- Có nhưng không đầy đủ 03 điểm
- Không có 05 điểm.

## **IV. ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT LUẬN NGUY CƠ**

### **1. Chỉ số nguy cơ lây nhiễm (sau đây gọi tắt là CSNCLN)**

CSNCLN được tính bằng tổng số điểm thực tế chấm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh chia cho tổng số điểm của các chỉ số từ 1 đến 15 phần II ở trên nhân với 100.

$$CSNCLN = (CS1+CS2+CS3+...+ CS15)/300*100.$$

### **2. Phương pháp đánh giá**

- Đánh giá đối với từng phân xưởng, dây chuyền, khu vực sản xuất,... để xác định nguy cơ của từng phân xưởng, dây chuyền, khu vực sản xuất, ...

- Đánh giá đối với toàn bộ cơ sở sản xuất, kinh doanh bằng trung bình cộng điểm đánh giá của từng phân xưởng, dây chuyền, khu vực sản xuất,...

- Nếu số điểm của từng nội dung số 8, 14, 15 đạt trên 50% sẽ bị coi là điểm liệt và sẽ xếp luôn thuộc nhóm có nguy cơ lây nhiễm cao.

- Việc tạm dừng hoạt động hay thực hiện các biện pháp khắc phục của cơ sở sản xuất, kinh doanh sẽ áp dụng theo từng phân xưởng, dây chuyền, khu vực sản xuất, ... và theo mức độ nhóm nguy cơ lây nhiễm.

- Đối với nội dung số 2 (Mật độ người lao động ở các phân xưởng tính bằng số diện tích làm việc cho 01 người lao động) và nội dung số 12.3 (Mật độ người trên xe) thực hiện chấm điểm khi có yêu cầu giãn cách của Chính phủ hoặc Ban Chỉ đạo quốc gia hoặc Bộ, ngành liên quan. Nếu không chấm điểm thì được tính là 0 điểm (không điểm) và số điểm tối đa của nội dung số 2 và nội dung số 12.3 không tính vào mẫu số chung khi tính chỉ số nguy cơ lây nhiễm chung của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

### **3. Xếp loại nhóm nguy cơ lây nhiễm**

- Tổng số điểm chấm đạt dưới hoặc bằng 15%: Rất ít nguy cơ. Phân xưởng, dây chuyền, khu vực sản xuất... /Cơ sở sản xuất, kinh doanh được hoạt động tuy nhiên vẫn thường xuyên duy trì và đánh giá nhằm đảm bảo các điều kiện phòng, chống dịch.

- Tổng số điểm chấm đạt từ 16- 30%: Nguy cơ lây nhiễm thấp. Phân xưởng, dây chuyền, khu vực sản xuất... /Cơ sở sản xuất, kinh doanh được hoạt động, phải kiểm tra định kỳ để khắc phục các hạn chế ở chỉ số thành phần cao nhất.

- Tổng số điểm chấm đạt từ 31-50%: Nguy cơ lây nhiễm trung bình. Phân xưởng, dây chuyền, khu vực sản xuất... /Cơ sở sản xuất, kinh doanh có thể được hoạt động với điều kiện phải thường xuyên đánh giá và khắc phục các chỉ số thành phần cao nhất mới được phép hoạt động.

- Tổng số điểm chấm đạt từ 51- 80%: Nguy cơ lây nhiễm cao. Phân xưởng, dây chuyền, khu vực sản xuất... /Cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có ngay giải pháp khắc phục các tồn tại để giảm thiểu nguy cơ. Nếu không, có thể phải tạm dừng hoạt động.

- Tổng số điểm chấm đạt từ 81 - 100%: Nguy cơ lây nhiễm rất cao. Phân xưởng, dây chuyền, khu vực sản xuất... /Cơ sở sản xuất, kinh doanh nên dừng hoạt động và thực hiện ngay giải pháp khắc phục các tồn tại để giảm thiểu nguy cơ.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. **Cơ sở sản xuất, kinh doanh** tổ chức tự đánh giá nguy cơ lây nhiễm tại cơ quan, đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu công nghiệp và đăng tải kết quả tự đánh giá công khai trên Bản đồ an toàn COVID-19 Quốc gia theo địa chỉ website: <https://antoancovid.vn>.

2. Việc tự đánh giá lại và cập nhật kết quả đánh giá phải thực hiện thường xuyên ít nhất 1 lần/tuần hoặc đánh giá lại ngay khi có người lao động mắc COVID-19, người tiếp xúc vòng 1, 2 hay các sự cố khác liên quan đến dịch COVID-19.